

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10522/BKHĐT-QLĐT

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

V/v báo cáo tình hình thực hiện
hoạt động đấu thầu năm 2024

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước.

Thực hiện trách nhiệm được giao theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Đấu thầu và khoản 3 Điều 135 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2024 theo các nội dung sau:

- Phần I: Tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2024 (theo đề cương hướng dẫn tại Phụ lục 1).

- Phần II: Tổng hợp số liệu về công tác đấu thầu (theo hướng dẫn tại Phụ lục 2).

- Phần III: Tổng hợp các cơ quan, đơn vị không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn và nội dung (theo hướng dẫn tại Phụ lục 3).

Báo cáo của quý Cơ quan, đơn vị xin gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 01/02/2025** thông qua Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia (theo hướng dẫn tại Phụ lục 4) để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị. /.

Nơi nhận:

- Như trên (có danh sách kèm theo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở KH&ĐT, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Bộ (để thực hiện);
- Lưu VT, Cục QLĐT (AH) 93



**KT, BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

PHỤ LỤC 1**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU NĂM 2024**

(Đính kèm văn bản số **10522/BKHĐT-QLĐT** ngày **20/12/2024** của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2024 theo các nội dung sau:

**PHẦN A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU
LỰA CHỌN NHÀ THẦU****I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu****1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu**

a) Tổng hợp chung về số liệu đối với việc lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Luật Đấu thầu bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm chung theo lĩnh vực đấu thầu, theo hình thức lựa chọn nhà thầu, theo phân loại dự án.

b) Tổng hợp chung số liệu đối với việc lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên (Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA,...) bao gồm: tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu, tỷ lệ tiết kiệm theo lĩnh vực đấu thầu và theo hình thức lựa chọn nhà thầu.

c) Kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

d) Tỷ lệ mua sắm công xanh (nếu có).

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu

Tổng hợp số liệu về số lượng văn bản chỉ đạo chỉ đạo, điều hành về đấu thầu lựa chọn nhà thầu; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đấu thầu lựa chọn nhà thầu

a) Tổng hợp số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà thầu bao gồm: số lượng các cuộc thanh tra về đấu thầu; số lượng các cuộc thanh tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu.

b) Tổng hợp số liệu về công tác giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu bao gồm: số lượng các văn bản chấn chỉnh hoạt động đấu

thầu; số lượng tổ chức, cá nhân được yêu cầu xử lý vi phạm; số lượng tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm.

4. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm

a) Tổng hợp số liệu về giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng của nhà thầu.

b) Tổng hợp số liệu về xử lý vi phạm trong đấu thầu, bao gồm: số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính, tổng số tiền xử phạt theo các quyết định, tổng số tiền phạt vi phạm đã nộp; số lượng quyết định cấm tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng nhà thầu vi phạm bị chấm dứt hợp đồng do lỗi nhà thầu; số lượng đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

5. Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu

Tổng hợp số liệu về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các gói thầu thuộc dự án/dự toán mua sắm, bao gồm: Số lượng, quốc tịch nhà thầu, giá trị trúng thầu.

6. Về áp dụng cơ chế đặc thù về chỉ định thầu

Tổng hợp số liệu về việc áp dụng cơ chế đặc thù về chỉ định thầu theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ (nếu có), bao gồm: số lượng các gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu, tỷ lệ tiết kiệm.

7. Các nội dung khác (nếu có).

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm

Đánh giá **kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân** việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung sau bao gồm:

1. Đánh giá chung.

- Tình hình tổ chức lựa chọn nhà thầu của các gói thầu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức theo các mục tiêu: cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế.

- Đánh giá về kết quả của việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, thực hiện hợp đồng đối với các gói thầu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, tổ chức về mặt chất lượng, tiến độ, hiệu quả, giải ngân.

- Các nội dung khác (nếu có).

2. Về tổ chức, triển khai thực hiện chính sách pháp luật đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

3. Về công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

4. Về lựa chọn nhà thầu qua mạng.

5. Về công khai thông tin trong đấu thầu.

6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị.

7. Nội dung khác

- Đánh giá về việc áp dụng cơ chế đặc thù về chỉ định thầu theo các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ (nếu có): việc đảm bảo mục tiêu của gói thầu, dự án khi thực hiện cơ chế đặc thù (tiến độ, chất lượng, hiệu quả về kinh tế, xã hội...).

- Các nội dung khác (nếu có).

PHẦN B. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH

I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu

Tổng hợp chung về số liệu đối với việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Đấu thầu bao gồm: số lượng dự án tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, phân loại dự án; số lượng dự án áp dụng thủ tục mời quan tâm và chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư; hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư; hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực đạt được thông qua đấu thầu; số lượng dự án đầu tư có sử dụng đất hoặc dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực thuộc trường hợp chuyển tiếp phải dùng việc lựa chọn nhà đầu tư.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu

Tổng hợp số liệu về số lượng văn bản chỉ đạo chỉ đạo, điều hành về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

a) Tổng hợp số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: số lượng các cuộc thanh tra về đấu thầu; số lượng các cuộc thanh tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu.

b) Tổng hợp số liệu về công tác giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

4. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm

a) Tổng hợp số liệu về giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng của nhà đầu tư.

b) Tổng hợp số liệu về xử lý vi phạm trong đấu thầu, bao gồm: số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính, tổng số tiền xử phạt theo các quyết định, tổng số tiền phạt vi phạm đã nộp; số lượng quyết định cấm tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng nhà đầu tư vi phạm bị chấm dứt hợp đồng do lỗi nhà đầu tư; số lượng đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

5. Các nội dung khác (nếu có).

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong năm

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung sau bao gồm:

1. Đánh giá chung.
2. Về tổ chức, triển khai thực hiện chính sách pháp luật đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.
3. Về công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.
4. Về lựa chọn nhà đầu tư qua mạng.
5. Về công khai thông tin trong đấu thầu.
6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị.
7. Nội dung khác (nếu có).

PHẦN C. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tình hình thực tế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư của năm báo cáo, đề xuất giải pháp để đảm bảo triển khai có hiệu quả công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền để giải quyết những khó khăn, vướng mắc về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.



PHỤ LỤC 2

CÁC BIỂU SỐ LIỆU KÈM THEO BÁO CÁO

(Đính kèm văn bản số 1052/BKHĐT-QLĐT ngày 20/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Gồm 08 biểu tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu (từ **Biểu số 01A đến Biểu số 05**) và 03 biểu tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh (từ **Biểu số 06 đến Biểu số 08**) đính kèm theo báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2024.

Lưu ý: đơn vị tính cho tất cả các Biểu là “**triệu đồng**”, bao gồm cả **Biểu số 03A** (Biểu tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ).

Để chuẩn xác số liệu và tránh trùng lặp, đề nghị:

1. Đối với các Bộ, ngành và địa phương

Trong báo cáo của mình **không tổng hợp** kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu dự án của Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước do Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đại diện làm chủ sở hữu (quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 29/9/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

2. Đối với các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước

- Trong báo cáo của mình **không tổng hợp** kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với các gói thầu, dự án do chính Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước **tham dự thầu với tư cách nhà thầu, nhà đầu tư** (trừ các gói thầu, dự án tự thực hiện thuộc các dự án do Tổng công ty/Tập đoàn kinh tế nhà nước quản lý).

- 19 Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước do Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp làm đại diện chủ sở hữu sẽ có báo cáo riêng.

3. Đối với mua sắm tập trung

Đề nghị các Cơ quan, đơn vị tổng hợp số liệu về công tác lựa chọn nhà thầu theo phương thức mua sắm tập trung như sau:

- Đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 áp dụng mua sắm tập trung, đề nghị tổng hợp đồng thời tại Biểu số 04 và Biểu số 01A;

- Đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 áp dụng mua sắm tập trung, đề nghị tổng hợp đồng thời tại Biểu số 04 và Biểu số 01B;

- Đối với các gói thầu thuộc dự toán mua sắm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 áp dụng mua sắm tập trung, đề nghị tổng hợp đồng thời tại Biểu số 04 và Biểu số 02A;

- Đối với các gói thầu thuộc điểm b, c khoản 1 Điều 2 và điểm b khoản 2 Điều 2 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 áp dụng mua sắm tập trung, đề nghị tổng hợp đồng thời tại Biểu số 04 và Biểu số 02B.

4. Đối với dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ

Đề nghị các Cơ quan, đơn vị tổng hợp số liệu về kết quả lựa chọn nhà thầu dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ như sau:

- Đối với các gói thầu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ, đề nghị tổng hợp tại Biểu số 03A.

- Đối với các gói thầu sử dụng vốn đối ứng, đề nghị tổng hợp tại Biểu số 03B.

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÔNG THỰC HIỆN BÁO CÁO HOẶC THỰC HIỆN NHƯNG KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN VÀ NỘI DUNG THEO YÊU CẦU

(Đính kèm văn bản số 4522/BKHĐT-QLĐT ngày 20/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	KHÔNG THỰC HIỆN BÁO CÁO	BÁO CÁO KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN, NỘI DUNG THEO YÊU CẦU	
			VỀ THỜI HẠN	VỀ NỘI DUNG
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
....				

Ghi chú:

- Phần này tổng hợp danh sách cơ quan, đơn vị không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn, nội dung theo yêu cầu. Trường hợp báo cáo đầy đủ theo yêu cầu thì không cần đưa phần này vào báo cáo.

- Đánh dấu "X" vào ô tương ứng.

PHỤ LỤC 4 CÁCH THỨC NỘP BÁO CÁO

(Đính kèm văn bản số ~~05~~ **22**/BKHĐT-QLĐT ngày ~~20~~ **12**/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT, việc báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2024 được thực hiện trên Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia. Theo đó, đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo theo phương thức như sau:

- Gửi tập tin báo cáo có chữ ký và đóng dấu theo định dạng PDF và nhập số liệu tổng hợp về kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu (Biểu số 01A, Biểu số 01B, Biểu số 02A, Biểu số 02B, Biểu số 03A, Biểu số 03B, Biểu số 04 và Biểu số 05), nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh (Biểu số 06, Biểu số 07 và Biểu số 08) lên Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia (gọi tắt là Hệ thống) tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>.

- Để phục vụ cho việc nhập số liệu trực tiếp lên Hệ thống, Quý Cơ quan, đơn vị cần phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham gia Hệ thống và quy trình đăng ký người sử dụng theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp tại thời điểm thực hiện, có sự thay đổi về hướng dẫn thì thực hiện theo hướng dẫn mới. Đồng thời, để tìm hiểu cách nhập số liệu lên Hệ thống và tải file mềm các Biểu, Quý cơ quan, đơn vị vào địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>, chọn liên kết “Tra cứu” phía trên cùng trang web, trong mục Biểu mẫu công tác đấu thầu hàng năm.

- Các Cơ quan, đơn vị sử dụng tài khoản đã dùng để đăng tải báo cáo công tác đấu thầu năm 2023 để đăng tải báo cáo năm 2024. Trường hợp Cơ quan, đơn vị thay đổi tài khoản dùng để đăng tải báo cáo năm 2024, đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị có văn bản cung cấp thông tin về mã định danh mới để được phân quyền thực hiện (trong văn bản nêu cả thông tin về mã định danh cũ đã dùng để đăng tải báo cáo năm 2023).

Trường hợp có thay đổi mã định danh nêu trên, đề nghị gửi thông tin về Cục Quản lý đấu thầu - Bộ Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 10/01/2025**.

- Ngoài ra, để thuận tiện cho công tác tổng hợp, đề nghị Quý Cơ quan, đơn vị gửi toàn bộ file word (nội dung báo cáo theo Phụ lục 1) và file excel (phần thống kê số liệu theo Phụ lục 2 từ Biểu số 01A đến Biểu số 08) vào địa chỉ email baocaodauthau@mpi.gov.vn. Định dạng dấu chấm, phẩy đối với phần thập phân theo quy định của Việt Nam, đơn vị tính triệu đồng; tiêu đề gửi file bao gồm tên đơn vị gửi, số hiệu văn bản (Ví dụ Sở KH&ĐT tỉnh A gửi báo cáo số 01/BC-SKHĐT sẽ có tiêu đề là SKHA_01_BC_SKHĐT)/.



BIỂU SỐ 01A

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

CÁC GÓI THẦU THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 1 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 22/2023/QH15

(Đính kèm công văn số 10572/BKHDT-QLĐT ngày 20/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

Table with columns for bidding packages and project groups (A, B, C), and rows for various procurement methods like 'Phi tư vấn', 'Tư vấn', 'Mua sắm hàng hóa', etc.

Ghi chú: _____, ngày ____ tháng ____ năm

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này không bao gồm: (1) các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã được báo cáo tại Biểu số 03A, Biểu số 03B; (2) các gói thầu thuộc dự toán mua sắm đã được báo cáo tại Biểu số 02A, Biểu số 02B.
- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung (dự án đầu tư) được tổng hợp tại Biểu số 04.
- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.
- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

Người báo cáo



BIỂU SỐ 01B

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

CÁC GÓI THẦU THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 2 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 22/2023/QH15

(Đính kèm công văn số 4052/BKHĐT-QLĐT ngày 20/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC	Dự án trọng quốc gia (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng 1 + 2 + 3 + 4			
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																				
1. Phí tư vấn	KQM																			
	QM																			
2. Tư vấn	KQM																			
	QM																			
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																			
	QM																			
4. Xây lắp	KQM																			
	QM																			
5. Hỗn hợp	KQM																			
	QM																			
Tổng cộng I	KQM																			
	QM																			
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																				
1. Đấu thầu rộng rãi	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
2. Đấu thầu hạn chế	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM																		
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																		
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
10. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM																		
Tổng cộng II	KQM																			
	QM																			

Ghi chú:

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này không bao gồm các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã được báo cáo tại Biểu số 03A, Biểu số 03B.

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung (dự án đầu tư) được tổng hợp tại Biểu số 04.

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)



BIỂU SỐ 02A

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GÓI THẦU THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 1 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 22/2023/QH15

(Đính kèm công văn số 10522-BKHĐT-QLĐT ngày 20 / 12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU					
1. Phi tư vấn	KQM				
	QM				
2. Tư vấn	KQM				
	QM				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM				
	QM				
4. Xây lắp	KQM				
	QM				
5. Hỗn hợp	KQM				
	QM				
Tổng cộng I		KQM			
		QM			
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU					
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
2. Hạn chế	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	KQM			
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	QM			
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	KQM			
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM			
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	KQM			
8. Tham gia thực hiện của công đồng	Trong nước	KQM			
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM			
	Quốc tế	KQM			
10. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM			
Tổng cộng II		KQM			
		QM			

Ghi chú:

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung (dự toán mua sắm) được tổng hợp tại Biểu số 04.

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này không bao gồm gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ.

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)



BIỂU SỐ 02B
BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU THUỘC ĐIỂM B, C KHOẢN 1 ĐIỀU 2 VÀ ĐIỂM B KHOẢN 2 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 22/2023/QH15
(Đính kèm công văn số 10522/BKHĐT-QLĐT ngày 20/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU					
1. Phi tư vấn	KQM				
	QM				
2. Tư vấn	KQM				
	QM				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM				
	QM				
4. Xây lắp	KQM				
	QM				
5. Hỗn hợp	KQM				
	QM				
Tổng cộng I		KQM			
		QM			
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU					
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM			
		QM			
	Quốc tế	KQM			
2. Hạn chế	Trong nước	KQM			
		QM			
	Quốc tế	KQM			
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM			
		QM			
	Quốc tế	KQM			
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM			
		QM			
	Quốc tế	KQM			
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM			
		QM			
	Quốc tế	KQM			
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM			
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM			
		QM			
	Quốc tế	KQM			
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM			
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM			
		QM			
	Quốc tế	KQM			
10. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM			
Tổng cộng II		KQM			
		QM			

Ghi chú:

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung được tổng hợp tại Biểu số 04.
- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.
- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 03A
BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ
THUỘC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC	Dự án quan trọng quốc gia (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng (1 + 2 + 3 + 4)			
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																				
1. Phi tư vấn	KQM																			
	QM																			
2. Tư vấn	KQM																			
	QM																			
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																			
	QM																			
4. Xây lắp	KQM																			
	QM																			
5. Hỗn hợp	KQM																			
	QM																			
Tổng cộng I	KQM																			
	QM																			
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																				
1. Rộng rãi (ICS, QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB...)	Trong nước	KQM																		
		QM																		
	Quốc tế	KQM																		
2. Hạn chế (LIB...)	Trong nước	KQM																		
		QM																		
	Quốc tế	KQM																		
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting...)	Trong nước	KQM																		
		QM																		
	Quốc tế	KQM																		
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM																		
		QM																		
	Quốc tế	KQM																		
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KQM																		
		QM																		
	Quốc tế	KQM																		
6. Tự thực hiện (force account)	Trong nước	KQM																		
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																		
8. Đàm phán giá	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	KQM																		
9. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM																		
Tổng cộng II	KQM																			
	QM																			

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____
Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo tại biểu này chỉ bao gồm phần vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ trong dự án; phần đối ứng, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu số 03B.
- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.
- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.



BIỂU SỐ 03B

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GỢI THẦU SỬ DỤNG VỐN ĐỐI ỨNG THUỘC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ

(Đính kèm công văn số 10522-BKHĐT-QLĐT ngày 20/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

Table with columns for bidding methods and project groups (A, B, C) and rows for various bidding types like 'Phi tư vấn', 'Tư vấn', 'Mua sắm hàng hóa', etc.

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo tại biểu này chỉ bao gồm phần vốn đối ứng trong dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ
- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng
- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng



BIỂU SỐ 04

Biểu số liệu cụ thể về công tác lựa chọn nhà thầu theo phương thức mua sắm tập trung
(Đính kèm công văn số 10522/BKHĐT-QLĐT ngày 20 / 12 /2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Giá gói thầu	Mặt hàng mua sắm	Số lượng mua sắm	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSDX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng	Loại hợp đồng	Cách thức thực hiện (ký thỏa thuận khung/ký trực tiếp hợp đồng)
I. Tên đơn vị mua sắm											
1. Dự án/Dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
....											
Tổng cộng I											
II. Tên đơn vị mua sắm											
1. Dự án/Dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
....											
Tổng cộng II											
III. Tổng cộng (I+II+...)											

Ghi chú: Mua sắm tập trung tổng hợp tại biểu này đồng thời tổng hợp tại Biểu số 01A, Biểu số 01B, Biểu số 02A và Biểu số 02B

_____, ngày ____ tháng ____ năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)



BIỂU SỐ 05

Biểu tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA
(Đính kèm công văn số 1622/BKHĐT-QLĐT ngày 20/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (CPTPP, EVFTA, UKVFTA)	Giá gói thầu	Giá trị của tùy chọn mua thêm (nếu có)	Lĩnh vực lựa chọn nhà thầu (Tur vản, phi tur vản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ xây dựng)	Hình thức lựa chọn nhà thầu (đấu thầu rộng rãi nội khối/quốc tế, chỉ định thầu nội khối/quốc tế)	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSDX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng	Loại hợp đồng
I. Tên cơ quan mua sắm 1											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng I											
II. Tên cơ quan mua sắm 2											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
....											
Tổng cộng II											
III. Tổng cộng (I+II+...)											

Ghi chú: Các cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA phải báo cáo nội dung tại Biểu này.

_____, ngày ____ tháng ____ năm
Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)



BIỂU SỐ 06

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13, NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2020/NĐ-CP
VÀ VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (NẾU CÓ)**

(Đính kèm công văn số 10522/BKHDT-QLĐT ngày 20/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha)	Loại công trình dự án (1)			Công bố danh mục dự án (2)		Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án		Số lượng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm	Giá hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (3)		Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (4)						Chấp thuận NDT (5) (Nộp hồ sơ để nghị chấp thuận NDT trước ngày 01/8/2024)	Chưa xác định hình thức LCND T	Số lượng NDT mua/nhận HSMT/HSY C	Số lượng NDT nộp HSDT/HSDX (trước ngày 01/8/2024)		Số lượng dự án hủy thông báo mời quan tâm/thông báo mời thầu và dừng việc lựa chọn NDT (6)	Số lượng dự án xác định tổ chức đấu thầu theo quy định tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP (7)	Giá trị nộp ngân sách nhà nước		Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT/HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (8)	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án (9)	Tiền sử dụng đất, tiền thuế đất NDT phải nộp sau khi được giao đất, cho thuê đất	
				Khu đô thị, nhà ở thương mại	Trụ sở, văn phòng làm việc	Công trình thương mại, dịch vụ	Thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Trong ngày 01/8/2024	Sau ngày 01/8/2024		Có gia hạn	Không gia hạn	Đấu thầu rộng rãi		Chỉ định NDT		LCNDT trong trường hợp đặc biệt					Trước ngày 01/8/2024	Sau ngày 01/8/2024			Yêu cầu trong HSMT/HSY C (m ³)	Đề xuất trong HSDT/HSDX hoặc được để nghị trúng thầu (M ²)					
															Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế	Trong nước				Quốc tế										
1. Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập																																	
1	Dự án 1																																
2	Dự án 2																																
	...																																
Tổng	(số dự án)																																
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất																																	
1	Dự án 1																																
2	Dự án 2																																
	...																																
Tổng	(số dự án)																																

Ghi chú:

- (1) Ghi "X" đối với loại công trình của dự án
- (2) Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
- (3) Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, ghi "X" vào trường hợp có gia hạn hoặc không gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án
- (4) Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng
- (5) Ghi "X" trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm
- (6) Ghi số lượng dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp phải hủy thông báo mời quan tâm/thông báo mời thầu và dừng việc lựa chọn nhà đầu tư
- (7) Ghi số lượng dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp và xác định tổ chức đấu thầu lại theo quy định của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP
- (8) Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn
- (9) Định dạng "ngày/tháng/năm"

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)



BIỂU SỐ 07

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN PHẢI TỜ CHỨC ĐÁU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐÁU THẦU SỐ 22/2023/QH15, NGHỊ ĐỊNH SỐ 23/2024/NĐ-CP

VÀ VĂN BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (NẾU CÓ)
(Đính kèm công văn số 1032/BKHĐT-QLĐT ngày 20/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Table with columns: TT, Tên dự án, Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng), Diện tích sử dụng đất (ha) (Nếu có), Lĩnh vực đầu tư (1), Công bố dự án (2), Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (Nếu áp dụng), Số lượng nhà đầu tư đáp ứng Hồ sơ mời quan tâm (Nếu áp dụng), Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (3), Chấp thuận NĐT (4), Chưa xác định hình thức LCNĐT, Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT, Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT, Số lượng dự án hủy thông báo mời quan tâm/thông báo mời thầu và dừng việc LCNĐT (5), Số lượng dự án xác định tổ chức đấu thầu theo quy định tại Nghị định số 115/2024/NĐ-CP (6), Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (7), Thời điểm ký kết hợp đồng dự án, Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu (8).

Ghi chú:

- (1) Ghi lĩnh vực đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP
(2) Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
(3) Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng
(4) Ghi "X" trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm
(5) Ghi số lượng dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp phải hủy thông báo mời quan tâm/thông báo mời thầu và dừng việc lựa chọn nhà đầu tư
(6) Ghi số lượng dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp và xác định tổ chức đấu thầu lại theo quy định của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP
(7) Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn
(8) Ghi giá trị bằng tiền hoặc giá trị khác theo một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 47 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)



BIỂU SỐ 08

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 22/2023/QH15, NGHỊ ĐỊNH SỐ 115/2024/NĐ-CP
(Đính kèm công văn số 0522/BKHĐT-QLĐT ngày 00 / 12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha) (Nếu có)	Lĩnh vực đầu tư (1)	Công bố dự án (2)		Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (Nếu áp dụng)	Số lượng nhà đầu tư đáp ứng Hồ sơ mời quan tâm (Nếu áp dụng)	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (3)				Chấp thuận NĐT (4)	Chưa xác định hình thức LCNĐT	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (5)	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án	Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu (6)	
					Thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư			Đấu thầu rộng rãi		Đấu thầu hạn chế									
									Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế								
1. Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập																				
1	Dự án 1																			
2	Dự án 2																			
	...																			
Tổng	<i>(số dự án)</i>																			
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất																				
1	Dự án 1																			
2	Dự án 2																			
	...																			
Tổng	<i>(số dự án)</i>																			

Ghi chú:

- (1) Ghi lĩnh vực đầu tư theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP
- (2): Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố thông tin dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
- (3): Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng
- (4): Ghi "X" trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm
- (5): Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn
- (6): Ghi giá trị bằng tiền hoặc giá trị khác theo một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 48 hoặc Điều 49 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP

_____, ngày ____ tháng ____ năm
Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)